

Số: 2601-001/CV-CBTT.2026
V/v: CBTT BCTC quý 4 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: • ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
• SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P.Tân Mỹ, TP.HCM

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tang, Shu-Chuan

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (Riêng) quý 4 năm 2025.
- Báo cáo tài chính (hợp nhất) quý 4 năm 2025.
- Giải trình cho số liệu lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2025 trên Báo cáo tài chính Hợp nhất thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2025	Quý 4 Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/ (giảm)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	6.008.879.885	4.626.513.422	1.382.366.463	29,9%

Trong Quý 04/2025, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 29,9%. Kết quả kinh doanh biến động chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo đó đã tăng tương ứng như thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <https://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Báo Cáo Công Bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ kèm theo:

Báo cáo tài chính (Riêng) và Báo cáo tài chính (Hợp nhất) quý 4 năm 2025;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
NHÃN HIỆU
VIỆT
Bà Tang, Shu-Chuan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bảng cân đối kế toán

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35,217,351,474	75,079,620,009
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	I.1	26,903,969,333	26,877,415,265
111	1. Tiền		603,969,333	877,415,265
112	2. Các khoản tương đương tiền		26,300,000,000	26,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8,000,000,000	8,000,000,000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	I.2	8,000,000,000	8,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		298,596,251	40,187,418,854
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	I.3	40,000,000	40,000,000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	I.4	258,596,251	40,147,418,854
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14,785,890	14,785,890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14,184,004	14,184,004
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	I.8	601,886	601,886
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172,294,800,000	172,319,700,000
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	I.5	171,000,000,000	171,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		171,000,000,000	171,000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,294,800,000	1,319,700,000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	I.6	1,294,800,000	1,319,700,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		207,512,151,474	247,399,320,009
Mã số	NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		273,540,398	264,414,238
310	I. Nợ ngắn hạn		273,540,398	264,414,238
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	I.7	49,654,398	15,983,238
314	4. Phải trả người lao động		84,321,000	128,721,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	I.8	80,000,000	80,000,000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác		59,565,000	39,710,000
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	I.9	207,238,611,076	247,134,905,771
410	I. Vốn chủ sở hữu		207,238,611,076	247,134,905,771
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7,238,611,076	47,134,905,771
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7,134,905,771	47,351,514,763
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		103,705,305	(216,608,992)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		207,512,151,474	247,399,320,009

TP. HCM, ngày 26 Tháng 01 Năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Hải Linh



Nguyễn Hải Linh



Tầng, Shu - Chuan
Chức vụ: Tổng giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	II.1	421,029,948	450,418,696	1,677,433,925	2,039,913,459
22	7. Chi phí tài chính		-	3,474,382	-	3,474,382
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	II.2	255,890,817	291,689,768	1,476,913,606	1,180,422,598
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		165,139,131	155,254,546	200,520,319	856,016,479
31	11. Thu nhập khác			-		
32	12. Chi phí khác	II.3	28,406,000	24,900,000	103,644,116	105,564,147
40	13. Lợi nhuận khác		(28,406,000)	(24,900,000)	(103,644,116)	(105,564,147)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		136,733,131	130,354,546	96,876,203	750,452,332
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		33,027,826	31,050,909	40,104,064	171,203,296
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		103,705,305	99,303,637	56,772,139	579,249,036
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	II.4				
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	II.4				

Người lập biểu

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 26 Tháng 01 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Tang, Sơn, Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		96,876,203	750,452,332
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1,677,433,925)	(2,036,438,751)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		-	3,474,382
03	- Các khoản dự phòng			
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,677,433,925)	(2,039,913,133)
06	- Chi phí lãi vay			-
07	- Các khoản điều chỉnh khác			-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1,580,557,722)	(1,285,986,419)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu			17,500,000
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho			
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		104,019,334	(84,014,000)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		81,236,971	134,433,336
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả			
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(109,179,830)	(144,957,400)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,504,481,247)	(1,363,024,483)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42,000,000,000)	(55,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		67,000,000,000	54,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82,247,626,396	43,808,433,690
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		107,247,626,396	42,308,433,690
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
32	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
33	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
34	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
35	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80,000,000,000)	(40,000,000,000)
36			(80,000,000,000)	(40,000,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25,743,145,149	945,409,207
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		1,160,824,184	215,414,977
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	I.1	26,903,969,333	1,160,824,184

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



TP.HCM, ngày 26 Tháng 01 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tang Sơn - Chuan
Chức vụ: Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	59,565,000	39,710,000
Tiền gửi ngân hàng	544,404,333	837,705,265
Các khoản tương đương tiền	26,300,000,000	26,000,000,000
Cộng	26,903,969,333	26,877,415,265
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi có kỳ hạn	8,000,000,000	8,000,000,000
Cộng	8,000,000,000	8,000,000,000
3 Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bên liên quan	-	-
Phí Kiểm toán	40,000,000	40,000,000
Cộng	40,000,000	40,000,000
4 Phải thu ngắn/dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu ngắn hạn khác	-	-
Bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	-	-
Lãi dự thu	220,451,371	109,273,974
Lợi nhuận từ công ty con	-	40,000,000,000
Phải thu khác	38,144,880	38,144,880
Cộng	258,596,251	40,147,418,854
5 Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Cuộc sống mới	170,000,000,000	170,000,000,000
Công ty TNHH Phát triển và đầu tư Phú Lệ	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	171,000,000,000	171,000,000,000
6 Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí trả trước dài hạn	-	-
Công cụ dụng cụ;	-	-
Tiền thuê đất (*)	1,294,800,000	1,319,700,000
Cộng	1,294,800,000	1,319,700,000

(*) Đây là khoản thuê đất theo hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 của bà Trương Thị Vân - Tổng giám đốc Công ty và chồng bà Vân đồng sở hữu tại khu đất: Thuê đất số 819, tờ bản đồ số 54, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM. Mục đích thuê đất: Làm nhà xưởng kinh doanh, văn phòng, hoặc nhu cầu khác của Công ty. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

7 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phát sinh trong kỳ				Cuối kỳ	
Chi tiết:	Đầu kỳ	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng nội địa		-				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,076,238	-	33,027,826		40,104,064	-
Thuế thu nhập cá nhân	8,907,000	-	8,907,000	(8,263,666)	9,550,334	-
Các khoản phí, lệ phí khác	-	601,886			-	601,886
Cộng	15,983,238	601,886	41,934,826	(8,263,666)	49,654,398	601,886
8 Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ				
Chi phí kiểm toán	80,000,000	80,000,000				
Cộng	80,000,000	80,000,000				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	200,000,000,000	47,351,514,763	247,351,514,763
Giảm trong kỳ trước		216,608,992	216,608,992
Lãi trong kỳ trước		264,536,240	264,536,240
Giảm thuế TNDN tạm tính		(47,927,248)	(47,927,248)
Số dư cuối kỳ trước, đầu kỳ này	200,000,000,000	47,134,905,771	247,134,905,771
Tăng trong kỳ này	-	103,705,305	103,705,305
Lãi trong kỳ này		103,705,305	103,705,305
Giảm trong kỳ này	-	40,000,000,000	40,000,000,000
Chi trả cổ tức trong quý		40,000,000,000	40,000,000,000
Số dư cuối kỳ này	200,000,000,000	7,238,611,076	207,238,611,076

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ
Công Ty Cổ Phần Phát triển Quang Thái	79,403,500,000	39.70%	79,403,500,000	39.70%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Đức	49,500,000,000	24.75%	49,500,000,000	24.75%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Thịnh	28,700,000,000	14.35%	28,700,000,000	14.35%
Các cổ đông khác	42,396,500,000	21.20%	42,396,500,000	21.20%
Cộng	200,000,000,000	100%	200,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu		

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lãi tiền gửi	421,029,948	450,418,696
Cộng	421,029,948	450,418,696

2 Chi phí tài chính

Kỳ này năm nay Kỳ này năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư công ty con	-	3,474,382
Cộng	-	3,474,382

3 Chi phí quản lý doanh nghiệpChi phí cho nhân viên quản lý
Các chi phí khác

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	194,265,000	208,563,000
	61,625,817	83,126,768
Cộng	255,890,817	291,689,768

4 Chi phí khác

Các khoản khác (*)

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	28,406,000	24,900,000
Cộng	28,406,000	24,900,000

(*) Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ

4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào điểm 3.19, khoản 3, điều 113, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 26 Tháng 01 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc